

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-ST

Ngày: 13/7/2018

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng;
2. Bà Trịnh Trần Tuyết Trinh .

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Tư, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2018/TLST - DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị S, sinh năm 1954; địa chỉ: số 233, ấp PT, xã PT, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1979, nơi cư trú: tổ 3, khóm VC 3, phường VN, thành phố CD, tỉnh An Giang.

Bà S có mặt tại phiên tòa; ông P vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/4/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị S trình bày: Bà bắt đầu bán mắm cho ông Nguyễn Hoàng P từ năm 2012. Đến năm 2016, ông P có nợ bà số tiền mua mắm 175.600.000 đồng. Sau đó, ông P thanh toán nhiều lần được tổng cộng 102.600.000 đồng, còn nợ 73.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Bà yêu cầu ông P trả dứt điểm 73.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp Biên bản

hòa giải ngày 26/3/2018 tại Ban khóm Vĩnh Chánh 3.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hoàng P khai: Ông mua mắm của bà S từ năm 2012. Đến năm 2016, ông còn nợ bà S tổng cộng 175.600.000 đồng. Sau đó, đã thanh toán được 102.600.000 đồng, còn nợ 73.000.000 đồng. Ông đồng ý trả nợ cho bà S nhưng yêu cầu được trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ, yêu cầu không trả lãi.

Tòa án đã mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa, bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông P vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ, bà Trương Thị S có thỏa thuận hợp đồng mua bán tài sản (mắm) với ông Nguyễn Hoàng P, sự thỏa thuận tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên đối với hợp đồng giao kết. Năm 2016, ông P còn nợ bà S 73.000.000 đồng, ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà S khởi kiện yêu cầu ông P trả 73.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015. Ông P xin trả 500.000 đồng sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Bà Trương Thị S khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Nguyễn Hoàng P (Chí Bình), sinh năm 1979, nơi cư trú: tổ 3, khóm VC 3, phường VN, thành phố CD, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí, Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Các đương sự có lời khai thống nhất, vào năm 2016, ông P còn nợ bà S 175.600.000 đồng tiền mua mắm. Sau đó, ông P đã nhiều lần thanh toán và còn nợ bà S 73.000.000 đồng. Ngày 09/4/2018, nguyên đơn khởi kiện vẫn còn thời hiệu theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Quá

trình giải quyết vụ án, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, không xem xét theo khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Hoàng P vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Nợ vốn:

Tại biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải ngày 05/6/2018, bà S và ông P có lời khai thống nhất, qua nhiều lần bà Trương Thị S bán mắm cho ông Nguyễn Hoàng P. Đến năm 2016, ông P còn nợ bà S 175.600.000 đồng. Sau đó, ông P có nhiều lần thanh toán cho bà S được 102.600.000 đồng, còn nợ 73.000.000 đồng. Ông P nhận trách nhiệm trả nợ cho bà S nhưng xin trả 500.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

Giữa bà S và ông P có giao kết hợp đồng mua bán tài sản (mắm) trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, nhưng ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Bà S yêu cầu ông P có trách nhiệm trả 73.000.000 đồng là có căn cứ, chấp nhận.

[2] Tiền lãi:

Bà S không yêu cầu ông P trả lãi, xét có lợi cho bị đơn nên không đề cập giải quyết.

[3] Buộc ông Nguyễn Hoàng P có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị S 73.000.000 (bảy mươi ba triệu) đồng theo quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 (các Điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông P xin trả 500.000 đồng/tháng, không được nguyên đơn chấp nhận là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Xét, không chấp nhận.

Tuy nhiên, cách trả sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí,

Ông P phải chịu 3.650.000 đồng (của số tiền 73.000.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà S được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả toàn bộ tạm ứng án phí cho bà S.

Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 (các Điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005); các Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị S.

Buộc Nguyễn Hoàng P có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị S 73.000.000 (bảy mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng P phải chịu 3.650.000 (ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà S 1.825.000 (một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2015/0015243 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đức.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà S có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông P là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Bạch Tuyết

